

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1262/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch thực hiện Đề án Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Hợp tác quốc tế; Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Cục trưởng các Cục: Địa chất Việt Nam, Viễn thám quốc gia, Đo đạc bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; Viện trưởng các Viện: Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Khoa học Địa chất và Khoáng sản và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (đề báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TCKTTV.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Lê Công Thành

KẾ HOẠCH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện Đề án Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Triển khai thực hiện Quyết định số 1262/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam (Đề án), Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Làm cơ sở phân công, chỉ đạo các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1262/QĐ-TTg.

2. Tập trung xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo sớm và hệ thống bản đồ phân vùng rủi ro tỷ lệ trung bình, tỷ lệ lớn đồng bộ, tổng thể, đồng thời cung cấp, trao đổi thông tin cảnh báo với cộng đồng dân cư; tăng cường năng lực ứng phó thiên tai của các cán bộ và người dân địa phương thông qua các hoạt động chuyển giao kết quả, tập huấn và truyền thông của Đề án.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị từ Trung ương đến địa phương trong quá trình thực hiện; Đề cao sự tham gia của cộng đồng trong công tác phối hợp cung cấp thông tin phục vụ cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ; hạn chế gia tăng nguy cơ sạt lở đất, lũ quét.

4. Kế thừa, lồng ghép, triển khai Kế hoạch này với việc tổ chức thực hiện Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ phê duyệt Chương trình cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn (Chương trình 705) và các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đã được phê duyệt có nội dung phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ trong Quyết định số 1262/QĐ-TTg.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là với các quốc gia phát triển về khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng lực, khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong phân vùng và cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các quốc gia, các tổ chức quốc tế đối với công tác cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét.

6. Sản phẩm của Đề án được chuyển giao đến các cấp chính quyền và người dân ở các vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở đất, lũ quét nhằm nâng cao năng

lực truyền thông, sử dụng thông tin cảnh báo sớm phục vụ phòng, tránh sạt lở đất, lũ quét trong cộng đồng, giảm nhẹ thiệt hại do sạt lở đất, lũ quét gây ra.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Rà soát, xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, quy trình, quy định kỹ thuật phục vụ triển khai các nhiệm vụ liên quan đến phân vùng và cảnh báo sớm thiên tai sạt lở đất, lũ quét

a) Xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất; các quy định, quy trình kỹ thuật đo đạc, điều tra khảo sát hiện trạng, lập bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do lũ quét, sạt lở đất hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.

b) Xây dựng và hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác điều tra, khảo sát chi tiết, lập bản đồ phân vùng nguy cơ và phân vùng rủi ro sạt lở đất, lũ quét ở tỷ lệ lớn.

c) Xây dựng văn bản về quy chế phối hợp, vận hành, khai thác và cập nhật hệ thống dữ liệu sạt lở đất, lũ quét; cung cấp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý - điều tra, đánh giá - chính quyền - cộng đồng dân cư địa phương trong công tác cảnh báo sớm về sạt lở đất, lũ quét.

2. Thiết lập và duy trì vận hành hệ thống thông tin - cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét

a) Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét.

b) Thiết lập Hệ thống thông tin - cảnh báo sớm: nâng cấp, phát triển các mô hình cảnh báo sạt lở đất, lũ quét cho 37 tỉnh trung du, miền núi Việt Nam; xây dựng hệ thống thông tin - cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét thời gian thực, có sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý, cơ quan cảnh báo, dự báo và người dân trong thu nhận, phân tích, xử lý thông tin dữ liệu; vận hành thử nghiệm tại trung ương và 37 tỉnh trung du, miền núi Việt Nam.

c) Duy trì vận hành Hệ thống thông tin - cảnh báo sớm: đầu tư trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ vận hành hệ thống cảnh báo sớm; xây dựng quy chế vận hành, khai thác và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung; ứng dụng công nghệ viễn thám để giám sát, cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét cho hệ thống thông tin - cảnh báo sớm.

3. Điều tra, xây dựng bộ dữ liệu, lập bản đồ hiện trạng, bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn cho 150 khu vực rủi ro cao (ưu tiên thực hiện trước cho các khu vực có nguy cơ diễn biến thiên tai sạt lở đất, lũ quét phức tạp).

a) Ứng dụng công nghệ viễn thám để điều tra, giám sát, cập nhật thông tin hiện trạng sạt lở đất, lũ quét và các lớp thông tin phục vụ cảnh báo sớm; xác định các khu vực trọng điểm có nguy cơ cao sạt lở đất, lũ quét.

b) Điều tra, khảo sát thực địa, thu thập thông tin về sạt lở đất, lũ quét; thông tin cơ sở hạ tầng, dân sinh, kinh tế; thông tin về đặc điểm địa chất - khí

tượng thủy văn phục vụ tính toán lập bản đồ phân vùng tính dễ bị tổn thương, mức độ phơi bày do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn.

c) Lập bản đồ hiện trạng sạt lở đất, lũ quét, bộ bản đồ thành phần địa chất, thủy văn tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn cho 150 khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét.

d) Lập bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro thiên tai do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn cho 150 khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét.

4. Điều tra, xây dựng bộ dữ liệu, lập bản đồ hiện trạng, bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ 1:50.000 và tỷ lệ 1:25.000 cho 37 tỉnh trung du và miền núi Việt Nam

a) Ứng dụng công nghệ viễn thám để điều tra, giám sát, cập nhật thông tin hiện trạng sạt lở đất, lũ quét và các lớp thông tin phục vụ cảnh báo sớm; xác định các khu vực trọng điểm có nguy cơ cao sạt lở đất, lũ quét.

b) Điều tra, khảo sát thực địa, thu thập thông tin về sạt lở đất, lũ quét; thông tin cơ sở hạ tầng, dân sinh, kinh tế; thông tin về đặc điểm địa chất - khí tượng thủy văn phục vụ tính toán lập bản đồ phân vùng tính dễ bị tổn thương, mức độ phơi bày do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ 1:50.000 và tỷ lệ 1:25.000 cho 37 tỉnh trung du, miền núi Việt Nam.

c) Lập bản đồ hiện trạng sạt lở đất, lũ quét, bộ bản đồ thành phần địa chất, thủy văn tỷ lệ 1:50.000 và tỷ lệ 1:25.000 cho 37 tỉnh trung du, miền núi Việt Nam.

d) Lập bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro thiên tai do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ 1:50.000 và tỷ lệ 1:25.000 cho 15 tỉnh: 03 tỉnh thuộc khu vực Bắc Bộ (Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên), 05 tỉnh thuộc khu vực Trung Bộ (Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận), 05 tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) và 02 tỉnh thuộc khu vực Đông Nam Bộ (Bình Phước, Đồng Nai).

đ) Cập nhật bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro thiên tai do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ 1:50.000 và tỷ lệ 1:25.000 cho 22 tỉnh đã thực hiện tại Chương trình 705.

5. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế trong cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét; nâng cao năng lực cộng đồng trong truyền thông và sử dụng thông tin cảnh báo sớm

a) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo và xây dựng Hệ thống thông tin - cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét.

b) Nâng cao năng lực truyền thông, sử dụng thông tin cảnh báo sớm phục vụ phòng, tránh sạt lở đất, lũ quét trong cộng đồng, giảm nhẹ thiệt hại do sạt lở đất, lũ quét.

c) Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, chia sẻ phương pháp, thông tin dữ liệu, kinh nghiệm trong cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét và phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các quốc gia, các tổ chức quốc tế đối với công tác cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét.

Danh mục cụ thể các nhiệm vụ trong Phụ lục 1 đính kèm Kế hoạch.

III. GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước, xác định, đánh giá rủi ro thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai, theo dõi, giám sát thiên tai theo quy định của Luật Khí tượng thủy văn, Luật Phòng, chống thiên tai và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác.

2. Khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế

a) Về khoa học công nghệ: ưu tiên phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại; tập trung ứng dụng công nghệ viễn thám, tin học, tự động hoá các mô hình, công nghệ hiện đại trong giám sát, quản lý, khai thác, xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo sớm, phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai lũ quét, sạt lở đất theo thời gian thực.

b) Về hợp tác quốc tế: đẩy mạnh hợp tác với các nước trong khu vực, các đối tác quốc tế trong ứng dụng khoa học công nghệ, trao đổi thông tin dữ liệu, nâng cao năng lực phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai.

3. Phối hợp với các bộ ngành, địa phương

a) Trong quá trình thực hiện, cần rà soát, kế thừa kết quả, sản phẩm của các chương trình, đề án, dự án, đề tài có liên quan đảm bảo thực hiện tiết kiệm, hiệu quả. Các nhiệm vụ thực hiện có kết quả, sản phẩm đến đâu thì công bố, chuyển giao ngay đến đó để phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

b) Chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, người dân và doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch; chủ động liên hệ, tiếp nhận, chia sẻ các tài liệu, kết quả nghiên cứu của các chương trình, đề án, dự án, đề tài có liên quan, thông tin hiện trạng sạt lở đất, lũ quét từ các bộ, ngành, địa phương để triển khai thực hiện Đề án đảm bảo kế thừa, tiết kiệm, hiệu quả.

c) Phối hợp với các tỉnh, thành phố liên quan thống nhất danh mục các khu vực cần thực hiện và kế hoạch phối hợp, lồng ghép với các nhiệm vụ của địa phương, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan tới điều tra khảo sát, xác định, đánh giá rủi ro thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai, tránh chồng chéo, lãng phí; chuyển giao công nghệ, sản phẩm của Đề án để phục vụ xây dựng quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, sơ tán, di dời dân cư khỏi vùng thiên tai đáp ứng các yêu cầu cấp bách trong công tác phòng, chống, ứng phó với rủi ro lũ quét, sạt lở đất tại địa phương.

4. Về thực hiện các nhiệm vụ của Đề án

a) Phạm vi không gian: ưu tiên thực hiện trước cho các khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét tại các địa phương, đảm bảo hiệu quả của Đề án.

b) Các nhiệm vụ thực hiện: ưu tiên thực hiện trước các nhiệm vụ hoàn thiện cơ sở dữ liệu dùng chung, thiết kế, xây dựng kiến trúc công nghệ thông tin, hệ thống thông tin- cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét và điều tra, khảo sát thực địa, thu thập thông tin về sạt lở đất, lũ quét; thông tin cơ sở hạ tầng, dân sinh, kinh tế; thông tin về đặc điểm địa chất - khí tượng thủy văn phục vụ tính toán lập bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ trung bình và tỷ lệ lớn.

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

4.1 Tổng cục Khí tượng Thủy văn

a) Là đơn vị đầu mối, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị phối hợp trực thuộc Bộ.

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị liên quan đề xuất thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án trên cơ sở kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình 705, trong đó đề xuất các Tổ công tác kỹ thuật giúp việc Ban Chỉ đạo, bao gồm Tổ công tác thực hiện nhiệm vụ xây dựng hệ thống thông tin - cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét.

c) Phối hợp với các đơn vị rà soát các nhiệm vụ của Đề án theo quy định.

d) Tổng hợp kết quả thực hiện của các đơn vị, báo cáo Bộ trưởng và Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

4.2 Vụ Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổng hợp, phân bổ nguồn vốn, dự toán kinh phí hằng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch do Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện; đề xuất các cơ quan có liên quan kịp thời bổ sung nguồn lực để bảo đảm tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch.

4.3 Vụ Khoa học và Công nghệ

Rà soát cơ chế chính sách, tạo điều kiện khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét; chủ trì xây dựng các Chương trình, đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ mới trong cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét; truyền thông, sử dụng thông tin cảnh báo sớm phục vụ phòng, tránh sạt lở đất, lũ quét và chuyển giao các sản phẩm cho đề án.

4.4 Vụ Hợp tác quốc tế

Phối hợp với Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu và các đơn vị liên quan vận động hợp tác, hỗ trợ của các đối tác quốc tế cho quá trình triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án.

4.5 Cục Địa chất Việt Nam, Cục Viễn thám quốc gia, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản và các đơn vị khác liên quan

a) Chủ trì và phối hợp với các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục 1.

b) Trong quá trình xây dựng đề cương thuyết minh các nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp thống nhất nội dung, sản phẩm giữa các đơn vị, đảm bảo các nội dung và sản phẩm của các nhiệm vụ thành phần thuộc Đề án có sự kết nối, đạt mục tiêu tổng thể của Đề án Cảnh báo sớm đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, chủ động phối hợp chia sẻ, bàn giao kết quả của các nhiệm vụ đã và đang thực hiện của Đề án Cảnh báo sớm và các chương trình, dự án, đề tài khác có liên quan cho các đơn vị, đảm bảo Đề án thực hiện có hiệu quả, không chồng chéo, lãng phí.

d) Các báo cáo thuyết minh nội dung thực hiện, báo cáo tổng kết nhiệm vụ theo niên độ, báo cáo kết thúc nhiệm vụ phải được lấy ý kiến Tổ công tác kỹ thuật trước khi trình và nghiệm thu kết thúc nhiệm vụ.

đ) Cục Viễn thám quốc gia tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám trong quá trình triển khai Đề án, trong đó tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ sử dụng thiết bị bay không người lái cánh bằng phục vụ công tác khảo sát đa yếu tố địa hình tại các vị trí rủi ro cao.

e) Các Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu khẩn trương hoàn thành cơ sở dữ liệu của Chương trình 705, bàn giao cho Tổng cục Khí tượng Thủy văn triển khai thực hiện Đề án; phối hợp với Tổng cục Khí tượng Thủy văn xây dựng hệ thống thông tin - cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị báo cáo, kiến nghị với Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Tổng cục Khí tượng Thủy văn) để xem xét, xử lý./.

Phụ lục 1

Các nhiệm vụ thực hiện Quyết định số 1262/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, đánh giá hiện trạng, áp dụng thực tiễn hệ thống các quy trình, quy định kỹ thuật liên quan đến lũ quét, sạt lở đất; hoàn thiện các quy trình, quy định, định mức, hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ liên quan đến phân vùng và cảnh báo sớm thiên tai sạt lở đất, lũ quét	Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản	1. Tổng cục Khí tượng Thủy văn. 2. Cục Địa chất Việt Nam. 3. Cục Viễn thám quốc gia. 4. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.	1. Báo cáo đánh giá hiện trạng, áp dụng thực tiễn hệ thống các quy trình, quy định kỹ thuật liên quan đến lũ quét, sạt lở đất. 2. Dự thảo Các quy định, quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất; các quy định, quy trình kỹ thuật đo đạc, điều tra khảo sát hiện trạng, lập bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do lũ quét, sạt lở đất. 3. Dự thảo định mức kinh tế kỹ thuật công tác điều tra và thành lập bản đồ hiện trạng, lập bản đồ phân vùng nguy cơ và phân vùng rủi ro sạt lở đất, đá, lũ quét tỷ lệ 1:50.000, 1:25.000, 1:10.000 và lớn hơn. 4. Dự thảo Quy chế phối hợp, vận hành, khai thác và	2024-2025 (ưu tiên thực hiện trước)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
				cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu sạt lở đất, lũ quét; cung cấp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý - điều tra, đánh giá - chính quyền và cộng đồng dân cư địa phương trong công tác cảnh báo sớm về sạt lở đất, lũ quét	
2	Thiết lập và duy trì vận hành hệ thống thông tin - cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét thời gian thực	Tổng cục Khí tượng Thủy văn	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cục Địa chất Việt Nam. 2. Cục Viễn thám quốc gia. 3. Cục Chuyển đổi số và và Thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường. 4. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu. 5. Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản. 6. 37 tỉnh trung du miền núi Việt 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét. 2. Hệ thống thông tin – cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét thời gian thực. 3. Kế hoạch duy trì vận hành hệ thống thông tin - cảnh báo sớm lũ quét, sạt lở đất. 4. Quy chế vận hành, khai thác, cập nhật hệ thống thông tin - cảnh báo sớm và cơ sở dữ liệu dùng chung. 5. Tài liệu hướng dẫn địa phương thực hiện việc điều tra, cập nhật cơ sở dữ liệu về sạt lở đất, lũ quét, quản lý, khai thác và cập nhật thông tin cho Hệ thống 	<p>Giai đoạn 1: 2024 – 2025 (ưu tiên thực hiện trước)</p> <p>Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét</p> <p>Giai đoạn 2: 2026 – 2030</p> <p>Xây dựng Hệ thống thông tin – cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét</p>

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
			Nam.	thông tin - cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét theo thời gian thực.	thời gian thực
3	Ứng dụng công nghệ viễn thám để giám sát, cập nhật thông tin hiện trạng sạt lở đất, lũ quét và các lớp thông tin phục vụ cảnh báo sớm; xác định các khu vực trọng điểm có nguy cơ cao sạt lở đất, lũ quét	Cục Viễn thám quốc gia	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng cục Khí tượng Thủy văn. 2. Cục Địa chất Việt Nam. 3. Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản. 4. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu. 5. 37 tỉnh trung du, miền núi Việt Nam. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Các sản phẩm giải đoán từ ảnh viễn thám cung cấp thông tin về hiện trạng sạt lở đất, lũ quét và các lớp thông tin phục vụ cảnh báo sớm; xác định các khu vực trọng điểm có nguy cơ cao sạt lở đất, lũ quét cho 37 tỉnh trung du, miền núi Việt Nam tỉ lệ 1:50.000, 1:25.000 và cho 150 khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét tỉ lệ 1:10.000 và lớn hơn. 2. Công cụ cập nhật, giám sát hiện trạng sạt lở đất, lũ quét và các lớp thông tin nền đảm bảo kết nối, làm đầu vào cho Hệ thống thông tin cảnh báo sớm. 	2024-2025
4	Điều tra, xây dựng bộ thông tin dữ liệu, lập bản đồ hiện trạng, bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét tỉ lệ 1:10.000 và lớn hơn cho 150 khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét	Cục Địa chất Việt Nam	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng cục Khí tượng Thủy văn. 2. Cục Viễn thám quốc gia. 3. Cục Đo đạc bản đồ và Thông tin địa lý Việt 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Số liệu điều tra, khảo sát thực địa, thu thập thông tin về hiện trạng sạt lở đất, lũ quét, thông tin cơ sở hạ tầng, dân sinh, kinh tế và đặc điểm địa chất - khí tượng thủy văn phục 	2024-2025

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
	<i>(Danh sách dự kiến 150 khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét trong Phụ lục 2 của Kế hoạch, trong quá trình thực hiện, danh mục các khu vực này có thể thay đổi căn cứ theo nhu cầu của địa phương và thực tế tình hình diễn biến thiên tai)</i>		<p>Nam.</p> <p>4. Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.</p> <p>5. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.</p> <p>6. 37 tỉnh trung du, miền núi Việt Nam.</p>	<p>vụ lập bản đồ phân vùng rủi ro do lũ quét, sạt lở đất tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn cho 150 khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét.</p> <p>2. Bản đồ hiện trạng sạt lở đất, lũ quét; bộ bản đồ thành phần địa chất, thủy văn; bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn cho 150 khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét.</p>	
5	Điều tra, xây dựng và cập nhật bộ thông tin dữ liệu, lập bản đồ hiện trạng, bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét tỉ lệ 1:50.000 và tỉ lệ 1:25.000 cho 37 tỉnh trung du, miền núi Việt Nam	Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản	<p>1. Tổng cục Khí tượng Thủy văn.</p> <p>2. Cục Viễn thám quốc gia.</p> <p>3. Cục Địa chất Việt Nam.</p> <p>4. Cục Đo đạc bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.</p> <p>5. Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.</p> <p>6. Viện Khoa học</p>	<p>1. Số liệu điều tra, khảo sát thực địa, thu thập thông tin về hiện trạng sạt lở đất, lũ quét, thông tin cơ sở hạ tầng, dân sinh, kinh tế và đặc điểm địa chất - khí tượng thủy văn phục vụ lập bản đồ phân vùng rủi ro do lũ quét, sạt lở đất tỉ lệ 1:50.000 và tỷ lệ 1:25.000 cho 15 tỉnh chưa thực hiện tại Chương trình 705 gồm: 03 tỉnh thuộc khu vực Bắc Bộ (Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên), 05 tỉnh thuộc khu</p>	2024-2025

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
			<p>KTTV và Biển đổi khí hậu. 7. 37 tỉnh trung du, miền núi Việt Nam.</p>	<p>vực Trung Bộ (Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận), 05 tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) và 02 tỉnh thuộc khu vực Đông Nam Bộ (Bình Phước, Đồng Nai).</p> <p>2. Số liệu điều tra, khảo sát thực địa, thu thập, cập nhật thông tin về hiện trạng sạt lở đất, lũ quét, thông tin cơ sở hạ tầng, dân sinh, kinh tế và đặc điểm địa chất - khí tượng thủy văn phục vụ lập bản đồ phân vùng rủi ro do lũ quét, sạt lở đất tỷ lệ 1:50.000 và tỷ lệ 1:25.000 cho 22 tỉnh đã thực hiện tại Chương trình 705.</p> <p>3. Bản đồ hiện trạng sạt lở đất, lũ quét; bộ bản đồ thành phần địa chất, thủy văn; bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét tỉ lệ 1:50.000 và tỷ lệ 1:25.000 cho 15 tỉnh chưa thực hiện tại Chương trình 705 gồm: 03 tỉnh</p>	

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
				<p>thuộc khu vực Bắc Bộ (Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên), 05 tỉnh thuộc khu vực Trung Bộ (Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận), 05 tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) và 02 tỉnh thuộc khu vực Đông Nam Bộ (Bình Phước, Đồng Nai)</p> <p>4. Bản đồ cập nhật hiện trạng sạt lở đất, lũ quét; bộ bản đồ cập nhật thành phần địa chất, thủy văn; bản đồ cập nhật phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do sạt lở đất, lũ quét tỉ lệ 1:50.000 và tỷ lệ 1:25.000 cho 22 tỉnh đã thực hiện tại Chương trình 705.</p>	
6	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế trong cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét; nâng cao năng lực cộng đồng trong truyền thông và sử dụng thông tin cảnh báo sớm.				
-	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo và xây dựng Hệ thống thông tin - cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét	Vụ Khoa học và Công nghệ	1. Tổng cục Khí tượng Thủy văn. 2. Cục Viễn thám quốc gia.	Sản phẩm của các Đề tài thuộc các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp bộ ngành tài nguyên và	2024-2030

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
			3. Cục Địa chất Việt Nam. 4. Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản. 5. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.	môi trường giai đoạn 2021-2025 liên quan đến cảnh báo lũ quét, sạt lở đất.	
-	Nâng cao năng lực truyền thông, sử dụng thông tin cảnh báo sớm phục vụ phòng, tránh sạt lở đất, lũ quét trong cộng đồng, giảm nhẹ thiệt hại do sạt lở đất, lũ quét	Tổng cục Khí tượng Thủy văn	1. Cục Địa chất Việt Nam. 2. Cục Viễn thám quốc gia. 3. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu. 4. Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản. 5. 37 tỉnh trung du miền núi Việt Nam.	Các tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm của Đề án; các tài liệu tập huấn, nâng cao năng lực truyền thông cho cộng đồng trong sử dụng thông tin cảnh báo sớm phục vụ phòng, tránh sạt lở đất, lũ quét;	2024-2030
-	Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, chia sẻ phương pháp,	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi	1. Vụ Hợp tác quốc tế. 2. Tổng cục Khí	Các Hội thảo quốc tế về nghiên cứu, chia sẻ phương	2024-2030

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp thực hiện	Sản phẩm chính	Thời gian thực hiện
	thông tin dữ liệu, kinh nghiệm trong cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét và phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các quốc gia, các tổ chức quốc tế đối với công tác cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét.	khí hậu	tượng Thủy văn 3. Cục Địa chất Việt Nam. 4. Cục Viễn thám quốc gia. 5. Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản	pháp, thông tin dữ liệu, kinh nghiệm trong cảnh báo sớm sạt lở đất, lũ quét và phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro.	

Phụ lục 2

Danh sách dự kiến 150 khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tỉnh	Huyện	Xã/khu vực	Diện tích
1	Điện Biên	Điện Biên Phủ	Thanh Minh	24.61
2	Son La	Phù Yên	Suối Bau	42.5
3	Lào Cai	Lào Cai	Pom Hán	1.72
4	Lào Cai	Bắc Hà	Nậm Lức	60.69
5	Lào Cai	Bảo Thắng	Trì Quang	33.52
6	Lào Cai	Bắc Hà	Bản Cái	31.82
7	Lào Cai	Bắc Hà	Nậm Khánh	25.55
8	Lào Cai	Bắc Hà	Bắc Hà	1.56
9	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	5.17
10	Lào Cai	Si Ma Cai	Mản Thần	12.83
11	Lào Cai	Bắc Hà	Bản Phố	16.75
12	Lào Cai	Si Ma Cai	Cán Hồ	5.78
13	Lào Cai	Lào Cai	Cam Đường	15.42
14	Lào Cai	Bắc Hà	Lùng Phình	23.5
15	Lào Cai	Bắc Hà	Na Hối	23.27
16	Lào Cai	Sa Pa	Sử Pán	9.13
17	Lào Cai	Bát Xát	Tòng Sành	5.2
18	Lào Cai	Bắc Hà	Nậm Đét	42.56
19	Lào Cai	Mường Khương	Tả Gia Khâu	27.82
20	Yên Bái	Nghĩa Tâm	Nghĩa Tam	44.56
21	Yên Bái	Nam Cường	Nam Cường	4.04
22	Yên Bái	Minh An	Minh An	32.68
23	Yên Bái	Yên Bái	Nguyễn Phúc	1.4
24	Yên Bái	Yên Bái	Nguyễn Thái Học	1.79
25	Yên Bái	Yên Bình	Phú Thịnh	11.77
26	Yên Bái	Văn Yên	Ngòi A	37.01
27	Yên Bái	Văn Yên	Viễn Sơn	42.25
28	Yên Bái	Văn Chấn	An Lương	67.82
29	Yên Bái	Mù Cang Chải	bản Sáng Nhù	64,7
30	Yên Bái	Mù Cang Chải	Hồ Bón	53,69
31	Yên Bái	Yên Bình	Đại Đồng	35,86
32	Hoà Bình	Mai Châu	Đồng Bàng	26.54
33	Hoà Bình	Tân Lạc	Bắc Sơn	14.09
34	Hoà Bình	Tân Lạc	Nam Sơn	20.41
35	Hoà Bình	Tân Lạc	Quyết Chiến	26.19
36	Hoà Bình	Tân Lạc	Lũng Ván	21.33
37	Hoà Bình	Mai Châu	Vạn Mai	35.03
38	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Tân Thịnh	3.16
39	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Tân Long	2.17
40	Thái Nguyên	Thái Nguyên	Tân Thành	2.38
41	Thái Nguyên	Sông Công	Cải Đan	5.1
42	Hà Tĩnh	Hồng Lĩnh	Thuận Lộc	7.17
43	Hà Tĩnh	Can Lộc	Kim Lộc	5.98

TT	Tỉnh	Huyện	Xã/khu vực	Diện tích
44	Hà Tĩnh	Đức Thọ	Đức Thủy	4.83
45	Hà Tĩnh	Đức Thọ	Thái Yên	4.19
46	Hà Tĩnh	Thạch Hà	Thạch Lưu	6.98
47	Hà Tĩnh	Đức Thọ	Đức Thanh	5.76
48	Hà Tĩnh	Đức Thọ	Đức Thịnh	3.88
49	Hà Tĩnh	Đức Thọ	Trung Lễ	4.2
50	Hà Tĩnh	Thạch Hà	Thạch Hương	6.02
51	Hà Tĩnh	Cẩm Xuyên	Cẩm Nam	9.2
52	Hà Tĩnh	Can Lộc	Song Lộc	5.14
53	Hà Tĩnh	Đức Thọ	Đức Lâm	6.18
54	Hà Tĩnh	Can Lộc	Sơn Lộc	8.79
55	Hà Tĩnh	Thạch Hà	Phù Việt	6.8
56	Hà Tĩnh	Thạch Hà	Thạch Thắng	8.73
57	Hà Tĩnh	Thạch Hà	Thạch Đài	10.5
58	Hà Tĩnh	Thạch Hà	Thạch Vĩnh	11.31
59	Hà Tĩnh	Cẩm Xuyên	Cẩm Yên	8.4
60	Hà Tĩnh	Thạch Hà	Thạch Tân	9.3
61	Hà Tĩnh	Cẩm Xuyên	Cẩm Bình	11.32
62	Hà Tĩnh	Cẩm Xuyên	Cẩm Phúc	7.93
63	Cao Bằng	Nguyên Bình	Thành Công	81.5
64	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Chiến Phố	30.01
65	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Đản Ván	17.14
66	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Tụ Nhân	25.93
67	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Bản Phùng	17.41
68	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Thèn Chu Phìn	20.4
69	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Pồ Lô	26.67
70	Hà Giang	Xín Mần	Bản Díu	17.77
71	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Nàng Đôn	13.2
72	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Nậm Dịch	17.23
73	Hà Giang	Xín Mần	Chế Là	26.67
74	Hà Giang	Xín Mần	Trung Thịnh	13.23
75	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Bản Nhùng	17.24
76	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Vinh Quang	5.05
77	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Bản Páo	12.88
78	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Tân Tiên	18.3
79	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Thông Nguyên	40.92
80	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Nậm Ty	43.92
81	Hà Giang	Xín Mần	Ngán Chiên	16.83
82	Hà Giang	Xín Mần	Thu Tà	27.52
83	Hà Giang	Xín Mần	Cốc Rế	14.96
84	Hà Giang	Bắc Mê	Yên Phong	36.85
85	Hà Giang	Xín Mần	Bản Ngò	19.55
86	Hà Giang	Xín Mần	Tả Nhiu	19.5
87	Hà Giang	Bắc Mê	Đường Âm	44.83
88	Hà Giang	Cốc Pài	Coc Pai	16.95
89	Hà Giang	Niêm Tông	Niem Tong	30.62
90	Hà Giang	Niêm Sơn	Niem Son	56.07

TT	Tỉnh	Huyện	Xã/khu vực	Diện tích
91	Hà Giang	Giàng Chu Phìn	Giang Chu Phìn	25.59
92	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Bản Luốc	27.35
93	Hà Giang	Vị Xuyên	Thanh Đứ	23.16
94	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Bản Máy	30.43
95	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Ngàm Đàng Vải	12.96
96	Hà Giang	Xín Mần	Nàn Xin	25.26
97	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Hồ Thầu	52.93
98	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Tả Sử Choóng	24.36
99	Hà Giang	Vị Xuyên	Xín Chải	23.59
100	Hà Giang	Xín Mần	Bản Díu	17.77
101	Hà Giang	Xín Mần	Quảng Nguyên	100.73
102	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Sán Xả Hồ	13.94
103	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Nậm Khòa	41.97
104	Hà Giang	Hoàng Su Phì	Nam Sơn	30.89
105	Hà Giang	Xín Mần	Nậm Dẩn	39.22
106	Hà Giang	Bắc Mê	Phú Nam	43.88
107	Hà Giang	Quang Bình	Tiên Nguyên	98.96
108	Hà Giang	Quang Bình	Xuân Minh	68.6
109	Tuyên Quang	Sơn Dương	Hào Phú	14
110	Tuyên Quang	Sơn Dương	Tam Đa	15.37
111	Tuyên Quang	Nà Hang	Hồng Thái	16.15
112	Tuyên Quang	Nà Hang	Thượng Giáp	28.6
113	Kon Tum	Tu Mơ Rông	Tu Mơ Rông	56.86
114	Kon Tum	Tu Mơ Rông	Đăk Hà	95.65
115	Kon Tum	Đăk Glei	Đăk Nhoong	164.74
116	Kon Tum	Đăk Glei	Đăk Choong	126.73
117	Kon Tum	Đăk Glei	Đăk Pék	89.76
118	Kon Tum	Đăk Glei	Xốp	139.36
119	Kon Tum	Kon Plông	Đăk Rìng	98.62
120	Kon Tum	Đăk Glei	Đăk KRoong	86.46
121	Kon Tum	Tu Mơ Rông	Tê Xăng	45.96
122	Kon Tum	Đăk Glei	Đăk Glei	93.39
123	Kon Tum	Tu Mơ Rông	Ngok Yêu	134.14
124	Kon Tum	Kon Plông	Đăk Nên	132.12
125	Kon Tum	Tu Mơ Rông	Ngok Lây	92.42
126	Kon Tum	Đăk Glei	Đăk Long	280.87
127	Kon Tum	Đăk Glei	Đăk Man	121.84
128	Kon Tum	Đăk Hà	Đăk Ui	97.34
129	Kon Tum	Kon Rẫy	Đăk Tơ Lung	124.47
130	Kon Tum	Tu Mơ Rông	Đăk Sao	87.79
131	Kon Tum	Tu Mơ Rông	Măng Ri	44.68
132	Kon Tum	Kon Plông	Măng Buk	143.14
133	Kon Tum	Đăk Glei	Ngọc Linh	75.36
134	Kon Tum	Tu Mơ Rông	Đăk Rơ Ông	69.38
135	Gia Lai	Đăk Đoa	Hà Đông	195.67

TT	Tỉnh	Huyện	Xã/khu vực	Diện tích
136	Bình Định	An Lão	An Nghĩa	37.44
137	Bình Định	Hoài Ân	Dak Mang	125.05
138	Bình Định	Hoài Ân	Ân Sơn	62.88
139	Bình Định	Vĩnh Thạnh	Vĩnh Hiệp	83.93
140	Bình Định	An Lão	An Vinh	86.02
141	Khánh Hòa	Khánh Vĩnh	Sơn Thái	62.59
142	Lâm Đồng	Đà Lạt	Tà Nung	46.19
143	Lâm Đồng	Đà Lạt	Phường 5	34.36
144	Lâm Đồng	Đà Lạt	Phường 10	13.71
145	Lâm Đồng	Di Linh	Sơn Điền	120.07
146	Lâm Đồng	Lâm Hà	Đông Thanh	34,24
147	Đắk Nông	Gia Nghĩa	Nghĩa Thành	3,11
148	Đắk Nông	Tuy Đức	Quảng Trực	559,81
149	Đắk Nông	Tuy Đức	Quảng Tâm	69,95
150	Đắk Nông	Đắk Glong	Quảng Sơn	454,22

Ghi chú: danh sách 150 khu vực rủi ro cao với sạt lở đất, lũ quét được kê thừa kết quả điều tra, phân vùng của Đề tài TNMT.2021.02.08 “Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng bộ tiêu chí và xác định các khu vực rủi ro cao về trượt, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét khu vực miền núi, trung du Việt Nam” do Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản chủ trì (lựa chọn các khu vực có: đồng thời trên 60% diện tích có nguy cơ sạt lở và 30% diện tích có nguy cơ lũ quét hoặc trên 70% diện tích có nguy cơ sạt lở hoặc trên 60% diện tích có nguy cơ lũ quét và bao gồm cả các khu vực có nguy cơ cao, rất cao đã liên tiếp xảy ra hiện tượng sạt lở, sụt lún đất, lũ quét trong tháng 6, tháng 7 đến nay tại Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai, Đắk Nông, Lâm Đồng). Trong quá trình thực hiện, căn cứ theo nhu cầu của địa phương và thực tế tình hình diễn biến thiên tai có thể điều chỉnh các khu vực (xã) nêu trên nhưng không vượt quá 150 khu vực (xã).